



Số: C/2013/UHY-BCKTDL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập ngày 25/03/2013, trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0798/KTV

Nguyễn Văn Hải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1395/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		385.455.758.537	288.653.239.397
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	199.517.254.347	31.203.874.984
Tiền	111		4.724.184.996	3.265.279.553
Các khoản tương đương tiền	112		194.793.069.351	27.938.595.431
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36.429.314.572	44.318.141.795
Đầu tư ngắn hạn	121	5	36.429.314.572	44.318.141.795
Các khoản phải thu	130		139.393.405.685	205.773.087.028
Phải thu khách hàng	131		87.703.348.858	191.544.010.713
Trả trước cho người bán	132		19.962.179.242	3.166.675.000
Các khoản phải thu khác	135	6	32.120.576.440	11.455.100.170
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(392.698.855)	(392.698.855)
Hàng tồn kho	140	9	5.661.720.590	5.966.138.974
Hàng tồn kho	141		5.661.720.590	5.966.138.974
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.454.063.343	1.391.996.616
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		160.992.561	160.992.559
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.656.899.782	827.210.057
Tài sản ngắn hạn khác	158		636.171.000	403.794.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.080.575.019.238	1.034.691.879.430
Tài sản cố định	220		915.017.041.461	833.635.121.006
Tài sản cố định hữu hình	221	7	837.605.756.044	784.579.283.511
- Nguyên giá	222		2.170.030.468.809	1.964.912.875.136
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.332.424.712.765)	(1.180.333.591.625)
Tài sản cố định vô hình	227	8	13.298.539.844	9.742.944.818
- Nguyên giá	228		15.252.657.760	10.069.564.760
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.954.117.916)	(326.619.942)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	64.112.745.573	39.312.892.677
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	164.735.722.804	200.912.531.780
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.677.722.804	2.480.531.780
Đầu tư dài hạn khác	258		162.058.000.000	198.432.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		822.254.973	144.226.644
Chi phí trả trước dài hạn	261		124.541.893	124.541.893
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		697.713.080	19.684.751
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.466.030.777.775	1.323.345.118.827

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

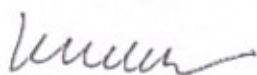
Tại ngày 31/12/2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2012 VND	Tại 01/01/2012 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		535.110.578.893	512.382.732.015
Nợ ngắn hạn	310		204.348.383.491	174.516.483.569
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	95.124.000.000	77.624.000.000
Phải trả người bán	312		22.206.310.146	11.897.120.780
Người mua trả tiền trước	313		923.468.000	717.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	39.934.551.007	49.999.553.616
Phải trả công nhân viên	315		16.107.970.399	9.334.268.781
Chi phí phải trả	316	14	12.290.245.289	15.894.536.281
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	13.202.371.274	6.256.495.461
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.559.467.376	2.793.508.650
Nợ dài hạn	330		330.762.195.402	337.866.248.446
Vay và nợ dài hạn	334	16	330.762.195.402	337.866.248.446
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		896.041.827.173	810.962.386.812
Vốn chủ sở hữu	410	17	896.041.827.173	810.962.386.812
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.905.440.607	4.796.550.607
Quỹ đầu tư phát triển	417		25.947.980.086	17.601.346.191
Quỹ dự phòng tài chính	418		17.106.732.663	13.354.106.313
Lợi nhuận chưa phân phối	420		147.081.673.817	75.210.383.701
Quỹ khác	430		-	-
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		34.878.371.709	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.466.030.777.775	1.323.345.118.827

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Khánh



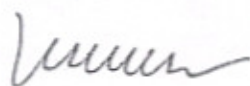
Nguyễn Thanh Phú

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	516.354.628.139	374.293.380.995
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	18	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	516.354.628.139	374.293.380.995
Giá vốn hàng bán	11	19	235.374.328.530	195.408.348.711
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		280.980.299.609	178.885.032.284
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	9.032.260.479	9.683.220.849
Chi phí tài chính	22	21	73.311.086.471	74.294.224.552
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		73.260.038.471	74.294.224.552
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.487.616.400	15.380.435.991
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		196.213.857.217	98.893.592.590
Thu nhập khác	31	22	12.539.017.589	3.246.855.620
Chi phí khác	32	23	11.393.981.869	2.714.712.415
Lợi nhuận khác	40		1.145.035.720	532.143.205
Lợi nhuận/lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		9.791.023	50.890.848
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		197.368.683.960	99.476.626.643
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		48.055.767.599	24.864.933.949
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(678.028.329)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		149.990.944.690	74.611.692.694
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		3.596.794.098	-
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		146.394.150.592	74.611.692.694
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.091	1.066

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng



Huỳnh Văn Khánh



Trưởng Giám đốc

Nguyễn Thanh Phú

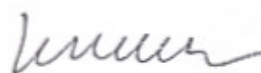
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		149.990.944.690	99.476.626.643
Khấu hao TSCĐ	2		138.896.541.904	129.159.137.922
Các khoản dự phòng	3		-	392.698.855
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5		(9.970.490.371)	(9.877.359.279)
Chi phí lãi vay	6		73.260.038.471	74.294.224.552
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8		352.177.034.695	293.445.328.693
Tăng giảm các khoản phải thu	9		66.379.681.343	(146.183.477.507)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		304.418.384	(856.502.011)
Tăng giảm các khoản phải trả	11		(74.140.237.151)	31.395.851.264
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2)	(8.944.030)
Tiền lãi vay đã trả	13		76.864.329.463	(73.372.421.751)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(58.272.484.830)	(4.584.761.122)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	861.266.924
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(8.126.784.196)	(4.012.006.583)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		355.185.957.705	96.684.333.877
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(44.557.003.093)	(22.122.548.889)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		278.181.818	707.300.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(35.710.000.000)	(54.500.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		33.400.000.000	130.201.963.804
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(14.898.700.000)	(9.860.266.500)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.618.941.834	7.841.528.297
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(50.868.579.441)	52.267.976.712
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		16.500.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(95.024.000.000)	(77.624.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(57.479.998.901)	(42.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(136.003.998.901)	(119.624.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		168.313.379.363	29.328.310.589
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		31.203.874.984	1.875.564.395
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	199.517.254.347	31.203.874.984

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Khánh




Nguyễn Thanh Phú